

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRANSIMEX LOGISTICS

Số: 43 /2023/CBTT-TMSLOGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Tp. HCM, Ngày 14 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ
PHẦN
TRANSIMEX
LOGISTICS

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP HÀ NỘI**

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở giao dịch chứng khoán TP Hà Nội

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
TRANSIMEX LOGISTICS
DN: C=VN, L=429/8 đường Song Hành Hà Nội, Khu
phố 7, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0307821849,
O=CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS,
E=tmstrans.info1@transimex.com.vn, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.08.14 17:23:09+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS**

Mã chứng khoán: TOT

Địa chỉ trụ sở chính: 429/8 đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, TP.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 0948666057

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hải Nhật

Địa chỉ: Lô A1,A2,A7, Đường số 1, KCN Bình Chiểu, P.Bình Chiểu, TP.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: 0902868069

Fax: 028.3720 6816

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ
Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán 6 tháng đầu năm 2023

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2023 tại
đường dẫn: www.transimextrans.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán

6 tháng đầu năm 2023

Người được ủy quyền công bố thông tin


Nguyễn Hải Nhật

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Transimex Logistics

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 31

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa; lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 429/8 Song Hành Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tôn Thất Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Đức	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên
Bà Lê Thị Bích Khuê	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng ban	
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên	
Ông Lê Thanh Tinh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trịnh Anh Tuấn.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Tôn Thất Hưng.

Ông Trịnh Anh Tuấn được Ông Tôn Thất Hưng ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 07/2022/UQ-TOT ngày 9 tháng 12 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12812243/66926326/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Transimex Logistics

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), được lập Ngày 14 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		79.857.130.370	86.253.329.681
110	I. Tiền	4	5.664.519.821	6.766.050.251
111	1. Tiền		5.664.519.821	6.766.050.251
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		69.692.862.069	76.193.241.129
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	32.668.699.358	24.352.142.897
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	850.561.946	6.992.652.909
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	36.723.093.600	45.397.938.158
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(549.492.835)	(549.492.835)
140	III. Hàng tồn kho	7	462.594.950	253.221.531
141	1. Hàng tồn kho		462.594.950	253.221.531
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.037.153.530	3.040.816.770
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	4.037.153.530	3.040.816.770
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		84.710.742.842	66.436.406.413
210	I. Phải thu dài hạn		210.827.000	201.827.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	210.827.000	201.827.000
220	II. Tài sản cố định		73.487.758.556	65.426.913.334
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	73.410.571.050	65.337.850.832
222	Nguyên giá		143.082.812.569	128.655.001.276
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(69.672.241.519)	(63.317.150.444)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	77.187.506	89.062.502
228	Nguyên giá		142.250.000	142.250.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(65.062.494)	(53.187.498)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		10.333.369.090	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	10.333.369.090	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		678.788.196	807.666.079
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	678.788.196	807.666.079
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		164.567.873.212	152.689.736.094

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		83.552.419.706	81.941.529.098
310	I. Nợ ngắn hạn		80.356.577.085	80.066.529.098
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	51.147.455.539	45.245.391.134
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		201.655.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.275.339.169	2.202.078.789
314	4. Phải trả người lao động		-	2.673.563.600
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	155.313.435	1.885.335.442
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.034.044.022	884.568.354
320	7. Vay ngắn hạn	16	23.725.283.017	26.750.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	817.486.903	425.591.779
330	II. Nợ dài hạn		3.195.842.621	1.875.000.000
338	1. Vay dài hạn	16	3.195.842.621	1.875.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		81.015.453.506	70.748.206.996
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	81.015.453.506	70.748.206.996
411	1. Vốn cổ phần		54.950.000.000	54.950.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		54.950.000.000	54.950.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.065.453.506	15.798.206.996
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		15.798.206.996	4.208.953.268
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		10.267.246.510	11.589.253.728
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		164.567.873.212	152.689.736.094

Phạm Đông Đức
Người lập

Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng

Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	19.1	112.345.788.535	59.667.299.561
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	20	(85.884.874.877)	(54.218.799.836)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		26.460.913.658	5.448.499.725
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	4.435.407	10.395.967
22	5. Chi phí tài chính	21	(1.228.274.317)	(173.499.069)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.210.869.662)	(159.164.347)
25	6. Chi phí bán hàng		(25.860.000)	(3.282.000)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(10.385.909.742)	(5.509.214.202)
30	8. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		14.825.305.006	(227.099.579)
31	9. Thu nhập khác	23	50.000.000	109.462.963
32	10. Chi phí khác	23	(455.014.964)	-
40	11. (Lỗ) lợi nhuận khác	23	(405.014.964)	109.462.963
50	12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		14.420.290.042	(117.636.616)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(2.884.058.008)	-
60	14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		11.536.232.034	(117.636.616)
70	15. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	18.3	1.868	(21)
71	16. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	18.3	1.868	(21)

Phạm Đông Đức
Người lập

Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng

Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		14.420.290.042	(117.636.616)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	9, 10	7.280.584.263	3.843.539.758
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(90.000.000)
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		435.579.557	(119.858.930)
06	Chi phí lãi vay	21	1.210.869.662	159.164.347
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.347.323.524	3.675.208.559
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		6.724.379.060	(9.242.006.487)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(209.373.419)	27.945.571
11	Tăng các khoản phải trả		1.279.158.083	4.234.132.675
12	Tăng chi phí trả trước		(867.458.877)	(458.780.275)
14	Tiền lãi vay đã trả		(477.327.686)	(47.260.274)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(1.973.888.221)	(624.045.213)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(877.090.400)	(727.260.363)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		26.945.722.064	(3.162.065.807)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(26.640.540.811)	(5.648.330.000)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		292.727.272	212.962.963
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		4.435.407	10.395.967
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(26.343.378.132)	(5.424.971.070)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	16	32.459.925.897	6.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	16	(34.163.800.259)	
36	Cổ tức đã trả	18.2	-	(3.801.864.080)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(1.703.874.362)	2.198.135.920
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.101.530.430)	(6.388.900.957)
60	Tiền đầu kỳ	4	6.766.050.251	8.589.988.661
70	Tiền cuối kỳ	4	5.664.519.821	2.201.087.704





Phạm Đông Đức
Người lập

Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng

Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0307821849 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2009, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển và đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, lưu trữ hàng hóa và dịch vụ đóng gói.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 429/8 Song Hành Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 255 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 241).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa. - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	2 – 10 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 8 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm
Phần mềm máy tính	4 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	1.411.337.315	962.700.615
Tiền gửi ngân hàng	4.253.182.506	5.803.349.636
TỔNG CỘNG	5.664.519.821	6.766.050.251

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ bên khác	16.819.163.076	5.917.503.251
Công ty TNHH Coats Phong Phú	6.256.578.355	-
Công ty TNHH Polytex Far Eastern Việt Nam	1.761.986.048	-
Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	1.170.840.000	1.728.982.800
Các khách hàng khác	7.629.758.673	4.188.520.451
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	15.849.536.282	18.434.639.646
TỔNG CỘNG	32.668.699.358	24.352.142.897
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(549.492.835)	(549.492.835)
GIÁ TRỊ THUẦN	32.119.206.523	23.802.650.062

5.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	272.293.533	51.005.272
Công ty TNHH Hoàng Phi Hải	233.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Phú Hưng	-	4.201.815.643
Công ty Cổ phần Văn Nam	-	2.537.200.000
Khách hàng khác	345.268.413	202.631.994
TỔNG CỘNG	850.561.946	6.992.652.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	36.723.093.600	45.397.938.158
Chi hộ	25.145.488.999	32.160.378.141
Tạm ứng cho nhân viên	11.040.107.097	12.764.198.513
Ký quỹ, ký cược	271.680.000	321.980.000
Khác	265.817.504	151.381.504
Dài hạn	210.827.000	201.827.000
Ký quỹ, ký cược	210.827.000	201.827.000
TỔNG CỘNG	36.933.920.600	45.599.765.158
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 26)</i>	22.781.470.561	30.495.821.610
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	14.152.450.039	15.103.943.548

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Nguyên vật liệu	462.594.950	253.221.531

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	4.037.153.530	3.040.816.770
Công cụ, dụng cụ	2.414.879.682	2.010.291.720
Phí bảo hiểm	868.793.581	504.304.739
Khác	753.480.267	526.220.311
Dài hạn	678.788.196	807.666.079
Công cụ, dụng cụ	415.322.025	417.772.711
Chi phí bảo trì	223.317.582	389.893.368
Khác	40.148.589	-
TỔNG CỘNG	4.715.941.726	3.848.482.849

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quân lý	VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	350.000.000	1.023.400.000	126.745.601.276	536.000.000	128.655.001.276
Mua trong kỳ	8.050.700.384	-	8.023.471.337	-	16.074.171.721
Thanh lý	-	-	(1.646.360.428)	-	(1.646.360.428)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	8.400.700.384	1.023.400.000	133.122.712.185	536.000.000	143.082.812.569
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	350.000.000	180.000.000	22.766.253.491	266.000.000	23.562.253.491
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(350.000.000)	(340.283.319)	(62.338.367.125)	(288.500.000)	(63.317.150.444)
Khấu hao trong kỳ	(370.640.168)	(107.224.992)	(6.745.844.107)	(45.000.000)	(7.268.709.267)
Thanh lý	-	-	913.618.192	-	913.618.192
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(720.640.168)	(447.508.311)	(68.170.593.040)	(333.500.000)	(69.672.241.519)
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	683.116.681	64.407.234.151	247.500.000	65.337.850.832
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	7.680.060.216	575.891.689	64.952.119.145	202.500.000	73.410.571.050
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	-	-	7.683.799.651	-	7.683.799.651

(*) Công ty đã thế chấp các xe đầu kéo, xe tải và một ô tô con cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam như đề cập tại Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022
và vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 142.250.000

Trong đó:

Đã hao mòn hết 47.250.000

Giá trị hao mòn lũy kế

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 (53.187.498)

Hao mòn trong kỳ (11.874.996)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 (65.062.494)

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 89.062.502

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 77.187.506

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phương tiện vận tải 10.333.369.090 -

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 26) 40.717.491.439 35.732.377.436

Phải trả các bên bên khác 10.429.964.100 9.513.013.698

Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xăng dầu An Thịnh Phát 2.828.689.940 3.528.627.770

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức – Cửa Hàng Xăng Dầu Phú Hữu 2.261.686.184 788.123.589

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Vinatruck 1.090.232.000 659.491.200

Công ty Cổ phần Logistics Shibusawa Việt Nam 185.713.154 1.445.234.264

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hiệp Tân - 310.202.191

Khác 4.063.642.822 2.781.334.684

TỔNG CỘNG 51.147.455.539 45.245.391.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng	Giảm
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.921.764.377	2.884.058.008	(1.973.888.221)
Thuế giá trị gia tăng	194.220.537	11.282.985.835	(11.088.825.752)
Thuế thu nhập cá nhân	86.093.875	640.403.096	(671.472.586)
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)
TỔNG CỘNG	2.202.078.789	14.810.446.939	(13.737.186.559)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí thuê nhà kho	-	1.795.943.985
Khác	155.313.435	89.391.457
TỔNG CỘNG	155.313.435	1.885.335.442

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Quỹ hỗ trợ nhân viên	707.398.105	745.720.605
Trả cổ tức	135.318.920	135.318.920
Kinh phí công đoàn	111.600.000	-
Khác	79.726.997	3.528.829
TỔNG CỘNG	1.034.044.022	884.568.354
Trong đó:		
Phải trả các bên khác	1.025.860.022	884.568.354
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)	8.184.000	-

Công ty Cổ phần Transimex Logistics

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vay ngắn hạn	26.750.000.000	23.725.283.017
Vay từ bên liên quan	26.000.000.000	5.000.000.000
Vay ngân hàng	-	17.533.289.573
Vay dài hạn đến hạn trả	750.000.000	1.191.993.444
Vay dài hạn	1.875.000.000	3.195.842.621
Vay ngân hàng	1.875.000.000	3.195.842.621
TỔNG CỘNG	28.625.000.000	26.921.125.638

16.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan	Hình thức đảm bảo	
Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan cho mục đích bổ sung vốn lưu động (Thuyết minh số 26) được trình bày như sau:		
Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
	VND	
	Lãi suất	Kỳ hạn
	%/năm	Tháng
Công ty Cổ phần Transimex	5.000.000.000	6
	6,5	Ngày 8 tháng 11 năm 2023
		Tin chấp



Công ty Cổ phần Transimex Logistics

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
	VND	%/năm	Tháng		
Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam	10.728.793.474	7,5 – 8,87	4	Từ Ngày 14 tháng 8 năm 2023 đến ngày 24 tháng 9 năm 2023	Bảo lãnh của Công ty Cổ phần Transimex
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	6.804.496.099	7	4	Từ ngày 12 tháng 10 năm 2023 đến ngày 28 tháng 10 năm 2023	Toàn bộ quyền đòi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 010/2023/NHCT902-TRANSIMEX LOGISTICS

TỔNG CỘNG

17.533.289.573

16.3 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngắn hạn dài hạn nhằm thanh toán tiền mua tài sản cố định được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
	VND	%/năm	Tháng		
Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam	2.250.000.000	7,5	48	Từ ngày 24 tháng 8 năm 2023 đến ngày 10 tháng 5 năm 2026	Các xe đầu kéo, xe tải và một ô tô con trình bày ở Thuyết minh số 9
Khoản vay 2	1.128.000.000	10,9	60	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2023 đến ngày 13 tháng 4 năm 2028	
Khoản vay 3	1.009.836.065	10,9	60	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2023 đến ngày 15 tháng 2 năm 2028	

TỔNG CỘNG

4.387.836.065

Trong đó

- Vay dài hạn đến hạn trả
- Vay dài hạn

1.191.993.444
3.195.842.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	425.591.779	756.133.859
Tăng trong kỳ	1.268.985.524	117.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(877.090.400)	(727.260.363)
Số cuối kỳ	<u>817.486.903</u>	<u>145.873.496</u>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	54.950.000.000	8.055.453.268	63.005.453.268
Lỗ thuần trong kỳ	-	(117.636.616)	(117.636.616)
Cổ tức đã công bố	-	(3.846.500.000)	(3.846.500.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>54.950.000.000</u>	<u>4.091.316.652</u>	<u>59.041.316.652</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc Ngày 30 tháng 6 năm 2023			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	54.950.000.000	15.798.206.996	70.748.206.996
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	11.536.232.034	11.536.232.034
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.268.985.524)	(1.268.985.524)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>54.950.000.000</u>	<u>26.065.453.506</u>	<u>81.015.453.506</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	54.950.000.000	54.950.000.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố trong kỳ	5.495.000.000	3.846.500.000
Cổ tức năm 2023: bằng cổ phiếu - 10% số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (năm 2022: 700 VND/cổ phiếu)	5.495.000.000	3.846.500.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	-	3.801.864.080

18.3 Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế TNDN (VND)	11.536.232.034	(117.636.616)
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.268.985.524)	-
Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	10.267.246.510	(117.636.616)
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	5.495.000	5.495.000
Lãi (lỗ) cơ bản (VND)	1.868	(21)
Lãi (lỗ) suy giảm (VND)	1.868	(21)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Doanh thu dịch vụ vận tải	108.401.237.623	58.814.194.116
Doanh thu dịch vụ khác	3.944.550.912	853.105.445
DOANH THU THUẦN	112.345.788.535	59.667.299.561
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	82.951.098.836	48.713.064.681
Các bên khác	29.394.689.699	10.954.234.880

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi tiền gửi	4.435.407	10.395.967

20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Giá vốn dịch vụ cung cấp	85.884.874.877	54.218.799.836

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi tiền vay	1.210.869.662	159.164.347
Chi phí khác	17.404.655	14.334.722
TỔNG CỘNG	1.228.274.317	173.499.069

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí lương nhân viên	4.823.040.946	2.376.120.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.365.676.591	2.714.489.297
Chi phí khấu hao và hao mòn	382.515.164	87.499.998
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(90.000.000)
Khác	1.814.677.041	421.104.354
TỔNG CỘNG	10.385.909.742	5.509.214.202

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Thu nhập khác	50.000.000	109.462.963
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	109.462.963
Thu nhập khác	50.000.000	-
Chi phí khác	(455.014.964)	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(440.014.964)	-
Chi phí khác	(15.000.000)	-
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	(405.014.964)	109.462.963

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.979.416.849	18.325.719.928
Chi phí nhiên vật liệu	24.705.348.832	28.077.908.824
Chi phí lương nhân viên	23.490.757.634	9.149.741.174
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	7.280.584.263	3.843.539.758
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(90.000.000)
Khác	1.840.537.041	424.386.354
TỔNG CỘNG	96.296.644.619	59.731.296.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.884.058.008	-

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	14.420.290.042	(117.636.616)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.884.058.008	(23.527.323)
Điều chỉnh:		
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	-	23.527.323
Chi phí thuế TNDN	2.884.058.008	-

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Danh sách bên liên quan với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Related party</i>	<i>Relationship</i>
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vinafreight	Công ty trong cùng tập đoàn
Ông Tôn Thất Hưng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Chí Đức	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Lê Thị Bích Khuê	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng ban Ban Kiểm soát
Ông Đỗ Đức Nguyên	Trưởng ban Ban Kiểm soát
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Cổ phần Transimex	Cung cấp dịch vụ	76.203.140.769	45.987.872.267
	Chi hộ	51.584.030.678	2.430.725.371
	Trả vay	21.000.000.000	-
	Thuê bãi	3.486.442.083	-
	Sử dụng dịch vụ	662.744.155	599.783.803
	Lãi vay	602.589.040	130.191.744
	Vay	-	3.000.000.000
	Trả cổ tức	-	2.903.250.000
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	1.063.868.600	1.487.657.414
	Chi hộ	194.211.315	480.933.904
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng	Cung cấp dịch vụ	-	60.490.000
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics	Sử dụng dịch vụ	3.058.260.201	5.363.637
	Cung cấp dịch vụ	2.066.193.079	52.300.000
	Chi hộ	140.996.400	-
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	219.095.000	1.124.745.000
	Trả hộ	59.612.000	280.985.055
Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex	Sử dụng dịch vụ	376.558.590	-
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Cung cấp dịch vụ	3.343.735.025	-
	Chi hộ	351.964.701	-
	Sử dụng dịch vụ	6.249.998	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Sử dụng dịch vụ	1.150.505	19.285.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Transimex	Cung cấp dịch vụ	14.124.052.822	17.217.737.682
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Cung cấp dịch vụ	822.072.000	-
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cung cấp dịch vụ	461.988.500	175.210.000
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Teck Park Logistics	Cung cấp dịch vụ	435.499.460	922.294.724
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	5.923.500	119.397.240
		15.849.536.282	18.434.639.646
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Transimex	Chi hộ	22.491.726.025	30.430.732.365
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Chi hộ	149.830.301	-
Công ty Cổ phần Vinafreight	Chi hộ	83.547.735	55.897.505
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Teck Park Logistics	Chi hộ	56.366.500	-
Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Chi hộ	-	9.191.740
		22.781.470.561	30.495.821.610
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Transimex	Mua nguyên giá		
	tài sản cố định	30.242.024.000	30.242.024.000
	Mua dịch vụ	4.705.269.298	2.495.692.372
	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ từ mua tài sản cố định	2.419.361.920	2.419.361.920
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Teck Park Logistics	Sử dụng dịch vụ	3.350.836.221	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	Sử dụng dịch vụ	-	575.299.144
		40.717.491.439	35.732.377.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

		VND	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Transimex	Khác	8.184.000	-
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Transimex	Vay	5.000.000.000	26.000.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Giám đốc và Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ như sau:

		VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông/ Bà	Chức vụ		
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	452.531.332	6.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	334.822.238	281.356.034
Ông Tôn Thất Hưng	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	-
Ông Nguyễn Chí Đức	Thành viên HĐQT	60.000.000	30.000.000
Bà Lê Thị Bích Khuê	Thành viên HĐQT	60.000.000	6.000.000
Ông Phạm Xuân Quang	Trưởng ban BKS	60.000.000	-
Ông Võ Thành Đồng	Thành viên BKS	42.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên BKS	42.000.000	-
Ông Bùi Minh Tuấn	Member of BOD	-	12.000.000
Ông Đỗ Đức Nguyên	Trưởng ban BKS	-	12.000.000
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Chủ tịch HĐQT	-	6.000.000
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	-	6.000.000
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên BKS	-	6.000.000
Bà Nguyễn Huỳnh Phương Thảo	Thành viên BKS	-	6.000.000
TỔNG CỘNG		1.141.353.570	371.356.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đến 1 năm	4.866.761.329	739.863.200
Trên 1 – 5 năm	14.609.163.715	-
Trên 5 năm	57.577.150.396	-
TỔNG CỘNG	77.053.075.440	739.863.200

28. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 04/2023/NQ.ĐHĐCĐ-TMSLOG ngày 25 tháng 3 năm 2023, các cổ đông của Công ty đã thông qua việc chia cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%. Tại ngày lập báo cáo giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.s


Phạm Đông Đức
Người lập


Nguyễn Hải Nhật
Kế toán trưởng


Trịnh Anh Tuấn
Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRANSIMEX LOGISTICS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2023/CV-TMSLOGS

TP.HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2023

V/v Giải trình lợi nhuận 06 đầu năm
năm 2023 cao hơn so với cùng kỳ năm
trước.

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Transimex Logistics
- Mã CK: TOT

Công ty Cổ phần Transimex Logistics (Mã chứng khoán: TOT) giải trình việc lợi nhuận trong báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 có thay đổi lớn hơn 10% so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 2023 (VND)	06 tháng đầu năm 2022 (VND)
Lợi nhuận sau thuế	11,536,232,034	-117,636,616

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số: 03/2022/NQ.ĐHCD-TMSLOG ngày 17/09/2022, Công ty thực hiện hoàn thành kế hoạch nhận chuyển nhượng Phòng Logistics của Công ty Cổ phần Transimex (Công ty mẹ) nhằm mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và ghi nhận tăng doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm 2022. Do đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty 06 tháng đầu năm năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm 2022.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TRANSIMEX LOGISTICS
NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT**



Nguyễn Hải Nhật